TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
Tỉnh Bến Tre
Bản án số: **59**/2018/DS-ST
Ngày: 27/02/2018
V/v tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Mứt.
2. Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2017/TLST-DS ngày 13/11/2017 về tranh chấp*"Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2017/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2018/QĐST-DS ngày 06/02/2018; Quyết định việc thay đổi hội thẩm nhân dân số: 403/2018/QĐ-CA ngày 26/02/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị B - sinh năm 1969. (Có mặt)
Nơi cư trú: ấp AĐ, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Đ- sinh năm 1960. (Vắng mặt)
Võ Văn X – sinh năm 1959. (Vắng mặt)
Cùng nơi cư trú: Số 73/2, ấp GH, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 10/11/2017, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị B trình bày:

Vào ngày 01 tháng 7 năm 2016 ông Võ Văn X và bà Nguyễn Thị Đ có vay của bà số tiền là 37.000.000 (Ba mươi bảy triệu) đồng, thời hạn vay một tháng trả lại vốn, có viết biên nhận nợ. Còn lãi suất thì hai bên thỏa thuận 5%/tháng. Khi vay tiền thì ông X và bà Đ có hứa sẽ trả vốn và đóng lãi đúng thời gian như đã thỏa thuận nhưng sau đó ông X, bà Đ không trả vốn và không đóng lãi, đã nhiều lần bà có đến nhà yêu trả nợ nhưng ông X, bà Đ không trả cho bà nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông X, bà Đ phải trả vốn và lãi chậm trả cho bà.

Tại phiên tòa bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Võ Văn X và bà Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà tiền gốc là 37.000.000 (Ba mươi bảy triệu) đồng, tiền lãi tính lãi từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 đến ngày xét xử 27 tháng 02 năm 2018 là 19 tháng 26 ngày, mức lãi 1,6%/tháng. Với số tiền lãi là: 11.761.000 (Mười một triệu, bảy trăm sáu mươi mốt nghìn) đồng. Như vậy tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi mà ông X và bà Đ phải trả cho bà là: 48.761.000 (Bốn mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi mốt nghìn) đồng.

Chứng cứ bà cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu của bà là 01 Bản chính biên nhận nợ có chữ ký của bà Nguyễn Thị Đ. Ngoài ra bà không cung cấp chứng cứ gì thêm.

Tại phiên tòa bị đơn ông Võ Văn X, bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 13/11/2017 và trong quá trình tố tụng bà Đ trình bày:

Bà thừa nhận bà và ông Võ Văn X (chồng bà) còn nợ của bà Nguyễn Thị B số tiền gốc 37.000.000 đồng. Bà và ông X đồng ý liên đới trả cho bà B số tiền này nhưng xin được trả dần hàng tháng 1.000.000 đồng, trả cho đến khi dứt nợ. Còn số tiền lãi bà B yêu cầu là hợp lý đúng quy định nhưng do hoàn cảnh khó khăn, nên bà và ông X xin không trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Nguyễn Thị B tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Võ Văn X, bà Nguyễn Thị Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Võ Văn X và bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án nhân dân huyện P triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông X, bà Đ là đúng theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn Nguyễn Thị B với bị đơn ông Võ Văn X, bà Nguyễn Thị Đ được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Qua tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị B với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ đã thống nhất bà Đ và ông X còn nợ tiền gốc của bà B là 37.000.000 đồng và bà Đ yêu cầu cho bà Đ, ông X liên đới được trả dần hàng tháng 1.000.000 đồng, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà B không đồng ý cho ông X, bà Đ được trả dần nên cần buộc ông X, bà Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền theo yêu cầu của bà B, trả một lần với số tiền 37.000.000 (Ba mươi bảy triệu) đồng.

Do ông X, bà Đ đã vi phạm thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà B yêu cầu tính lãi suất chậm trả với số tiền là 11.761.000 (Mười một triệu, bảy trăm sáu mươi mốt nghìn) đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông Võ Văn X, bà Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà B số tiền gốc và tiền lãi là 48.761.000 (Bốn mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi mốt nghìn) đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Võ Văn X, bà Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Số tiền án phí ông X, bà Đ phải liên đới nộp (48.761.000đồng x 5%) là: 2.438.050 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, các Điều 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B. Buộc ông Võ Văn X và bà Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 48.761.000 (Bốn mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi mốt nghìn) đồng

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Văn X và bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ liên đới nộp: 2.438.050 (Hai triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, không trăm năm chục) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị B được Chi cục thi hành án dân sự huyện P hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.166.238 (Một triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, hai trăm ba mươi tám) đồng theo biên lai thu số 0012205, ngày 13 tháng 11 năm 2017.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án, đối với các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hồ Thị Triết

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).